

Số: 2442 /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 06 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật KH&CN số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 02/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh Quảng Trị đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết 03/2010/NQ-HĐND ngày 20/4/2010 của HĐND tỉnh V/v phát triển KH và CN tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010 – 2015, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định tại Thông báo số 127/TB-UBND ngày 06/8/2013;

Căn cứ văn bản số 971/BKH-CN-BĐP ngày 12/4/2013 của Bộ KH&CN V/v góp ý Quy hoạch phát triển KH&CN;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 58/TTr-SKH-CN ngày 21/11/2013, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1228/SKH-VX ngày 03/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG

1. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực KH&CN của tỉnh để làm nền tảng vững chắc và động lực góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh sản xuất và thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh; đổi mới tổ chức và hoạt động KH&CN phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, có chất lượng và tính hiệu quả cao; phấn đấu xây dựng KH&CN Quảng Trị đạt

trình độ trung bình tiên tiến so với các địa phương khác trong cả nước vào năm 2020, tiên tiến vào năm 2030.

b) Các mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

+ Cung cấp cơ sở khoa học về điều kiện tự nhiên – tài nguyên thiên nhiên, môi trường, văn hóa, xã hội phục vụ cho việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH – HĐH ở Quảng Trị.

+ Tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong các ngành kinh tế của tỉnh. Nâng cao tỷ trọng đóng góp của KH&CN trong tăng trưởng kinh tế thông qua đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Dự kiến đạt 70 - 80% các đề tài nghiên cứu ứng dụng thành công từng bước được nhân rộng vào thực tế sản xuất và đời sống.

+ Nâng cao năng suất giá trị sản phẩm nông – lâm – thủy sản, phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực có tiềm năng của tỉnh, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, dịch vụ nhằm thu hút đầu tư.

+ Nâng cao trình độ công nghệ của toàn bộ các ngành kinh tế. Xây dựng các khu công nghệ, kỹ thuật cao theo mô hình thích hợp với Quảng Trị để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa, góp phần thực hiện mục tiêu hoàn thành CNH - HĐH. Phần đầu giá trị sản phẩm công nghệ cao và ứng dụng công nghệ cao chiếm 20% trong GDP vào năm 2015 và khoảng 40% vào năm 2020.

+ Phát triển mạnh mẽ thị trường công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh.

- Mục tiêu xây dựng tiềm lực KH&CN:

+ Phát triển nguồn nhân lực KH&CN có chất lượng, có cơ cấu trình độ, chuyên môn hợp lý. Phần đầu số nhân lực KH&CN (có trình độ từ đại học trở lên) đến năm 2015 chiếm 5,2% so với tổng lao động và đến năm 2020 chiếm 7,5% so với tổng lao động của tỉnh. Hình thành đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trình độ cao, đủ sức tổ chức, hợp tác nghiên cứu và giải quyết những nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh.

+ Chi cho KH&CN từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách địa phương hàng năm và tăng dần theo yêu cầu của phát triển KH&CN. Phần đầu đưa mức đầu tư của toàn xã hội cho KH&CN đạt 1,0% GDP vào năm 2015, 1,5% GDP vào năm 2020.

+ Phát triển hệ thống các tổ chức KH&CN trên địa bàn đủ năng lực giải quyết các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm của tỉnh và có khả năng phối hợp với các địa phương khác giải quyết những vấn đề của Vùng. Phần đầu xây dựng hệ thống các tổ chức nghiên cứu, triển khai, dịch vụ KH&CN của Quảng Trị đạt trình độ trung bình tiên tiến so với cả nước. Coi trọng nguồn lực "thông tin KH&CN" và công nghệ thông tin. Xây dựng một số cơ sở trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN ở Quảng Trị để tranh thủ vị trí của tỉnh trên hành lang kinh tế Đông - Tây.

+ Tạo được bước chuyển biến cơ bản trong đổi mới quản lý KH&CN theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường định hướng XHCN, với yêu cầu hội nhập quốc tế và gắn kết chặt chẽ giữa KH&CN với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Định hướng phát triển

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng các thành tựu tiên bộ kỹ thuật, coi đây là yếu tố then chốt tạo ra những đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế và đảm bảo môi trường bền vững. Phát triển khoa học công nghệ phải gắn kết và phục vụ thiết thực, hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đáp ứng được yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế. Định hướng phát triển tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau:

- Chuyển giao và ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ vào các lĩnh vực quản lý, sản xuất, kinh doanh, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ sản xuất vật liệu mới, đổi mới và cải tiến công nghệ kỹ thuật trong các ngành sản xuất. Phát triển một số ngành sản xuất, dịch vụ có hàm lượng khoa học công nghệ cao, công nghệ mới... Nhân rộng các mô hình, tiến bộ khoa học đã được khẳng định hiệu quả. Ứng dụng hiệu quả các tiến bộ khoa học trong công tác quản lý, nhất là công nghệ thông tin. Xây dựng và từng bước thực hiện các chương trình đổi mới công nghệ, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội trọng yếu.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu và ứng dụng, giữa nhà nghiên cứu với người sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học. Tập trung điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên... và ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cơ bản phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác quản lý tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, đăng ký và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu sản phẩm, hàng hoá... Đẩy mạnh ứng dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Áp dụng mạnh mẽ các tiêu chuẩn quốc tế tiên tiến trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh.

- Từng bước xây dựng, tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ của tỉnh (con người, tài chính, thông tin khoa học công nghệ, trang thiết bị nghiên cứu, tổ chức mạng lưới ứng dụng và triển khai các tiến bộ kỹ thuật). Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, trung tâm nghiên cứu, thí nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, công nghệ thông tin phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học công nghệ. Phát triển nguồn lực khoa học và công nghệ, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, thu hút đội ngũ cán bộ học - kỹ thuật có trình độ, đủ sức giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Mở rộng giao lưu hợp tác khoa học công nghệ với các tỉnh thành, các nước trong khu vực nhằm tiếp thu công nghệ mới phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đổi mới công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoa học công nghệ và từng bước tạo lập thị trường khoa học công nghệ trên địa bàn.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phục vụ cho lợi ích dân sinh, bảo vệ môi trường. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

II. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Quy hoạch phát triển một số ngành, lĩnh vực KH&CN

1.1 Quy hoạch trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn

Nghiên cứu phương thức kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong quá trình CNH - HĐH của Quảng Trị. Nghiên cứu bảo tồn bản sắc văn hoá của các cộng đồng dân tộc ít người trên địa bàn Quảng Trị (dân tộc Vân Kiều, Paco). Nghiên cứu và làm sáng tỏ truyền thống mảnh đất, con người Quảng Trị trong quá trình đấu tranh giữ nước và quá trình xây dựng và phát triển đất nước, quê hương. Nghiên cứu xây dựng Địa chí tỉnh Quảng Trị.

Nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích ứng dụng và nhân rộng các tiến bộ kỹ thuật, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong các ngành kinh tế. Nghiên cứu các mô hình kinh tế phù hợp với điều kiện địa phương: đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi phù hợp với môi trường sinh thái và tập quán canh tác của nhân dân và dân tộc trong vùng; đẩy mạnh CNH - HĐH nông thôn theo hướng khuyến khích các làng nghề, các ngành nghề truyền thống; phát triển kinh tế hàng hoá ở các vùng, địa phương của tỉnh.

Nghiên cứu vận dụng sáng tạo, hiệu quả các chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế, KH&CN của trung ương và các địa phương khác vào điều kiện cụ thể của tỉnh. Nghiên cứu về khoa học quản lý kinh tế, quản lý xã hội, khoa học giáo dục..., góp phần cung cấp các luận cứ cho các quyết sách về kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ nguồn nhân lực, trình độ quản lý điều hành của các cấp.

1.2 Quy hoạch trong nghiên cứu khoa học tự nhiên

Tiếp tục bổ sung công tác điều tra cơ bản đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên và môi trường, nghiên cứu điều tra địa chất, lập bản đồ về các loại tài nguyên khoáng sản, xác định trữ lượng, chất lượng, địa điểm các loại tài nguyên để có kế hoạch đưa vào khai thác và sử dụng hợp lý và hiệu quả.

Nghiên cứu quy luật và tác động của các hiện tượng tự nhiên, khí hậu, thời tiết ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế xã hội của tỉnh. Phát huy lợi thế, khắc phục hạn chế tiêu cực của điều kiện tự nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

1.3 Quy hoạch trong ứng dụng một số lĩnh vực công nghệ chủ yếu

Công nghệ sinh học

Nghiên cứu, ứng dụng các kỹ thuật hiện đại trong công nghệ sinh học (công nghệ tế bào, công nghệ gen, công nghệ vi sinh và enzym,...) để sản xuất, nhân nhanh các giống cây trồng, vật nuôi có thế mạnh của tỉnh.

Ứng dụng công nghệ sinh học bảo tồn và phát triển các loài dược liệu bản địa.

Nghiên cứu, phát triển công nghệ sinh học trong chế biến và bảo quản thực phẩm; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong việc điều khiển các sản phẩm sau thu hoạch đối với ngũ cốc, rau quả.

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải nông nghiệp, công nghiệp, thủy sản, y tế và xử lý ô nhiễm môi trường.

Công nghệ thông tin truyền thông

Xây dựng cơ sở phát triển công nghiệp phần mềm, từng bước đáp ứng nhu cầu phần mềm trên địa bàn.

Phát triển hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin để đạt chỉ tiêu 95% số thuê bao Internet là băng rộng, Internet băng thông rộng (ADSL) tới 100% huyện và các cơ quan từ cấp huyện trở lên; 100% các cơ quan trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến xã có mạng LAN, kết nối mạng WAN và mạng Internet tốc độ cao; 100% các cơ quan có hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành, trên 80% các trường từ THCS, các cơ sở y tế đều có mạng LAN và kết nối Internet.

Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong các cơ quan Nhà nước.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp nhằm phục vụ cho việc quản lý tài chính và nhân sự, giao dịch kinh doanh, ...

Công nghệ cơ khí, tự động hóa

Nghiên cứu lựa chọn, đưa vào ứng dụng các loại máy móc, trang thiết bị cơ giới phục vụ một số khâu trong sản xuất nông nghiệp, như làm đất, vận chuyển thu hoạch, dây chuyền cơ giới hoá trong chăn nuôi, tưới tiêu tự động...; lựa chọn các thiết bị công nghệ bảo quản và chế biến lương thực thực phẩm, chế biến thức ăn gia súc quy mô vừa và nhỏ.

Nghiên cứu phát triển các loại công cụ cơ khí phục vụ sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp, phục vụ phát triển làng nghề thủ công; hiện đại hoá từng bước các công đoạn trong dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá.

Đổi mới công nghệ theo hướng cơ giới hoá và tự động hoá quá trình điều khiển, định lượng đo lường, kiểm tra chất lượng trong các ngành công nghiệp có thể mạnh của Tỉnh.

Năng lượng mới

Nghiên cứu phát triển ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo,... nhằm cải thiện môi trường và đảm bảo nhu cầu điện cho các xã vùng sâu, vùng xa, các trang trại vùng gò đồi, vùng cát xa khu dân cư và huyện đảo Côn Cỏ.

Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ phục vụ việc tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng. Quy hoạch phát triển và sử dụng các dạng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

Công nghệ sau thu hoạch, chế biến nông lâm thủy sản

Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ sau thu hoạch từ khâu bảo quản, sơ chế và chế biến các sản phẩm cho ngành nông - lâm - thủy sản của tỉnh, góp phần giảm thiểu tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch và nâng cao giá trị của các sản phẩm.

Về công nghệ sơ chế: Nghiên cứu áp dụng công nghệ trong sơ chế, phân loại, làm sạch, đóng gói có quy mô nhỏ và vừa phục vụ yêu cầu sơ chế tại chỗ của các hộ, nhóm hộ, nhằm cung cấp nguyên liệu có chất lượng tốt cho các cơ sở chế biến tập trung.

Về công nghệ bảo quản: Chú trọng phổ cập các công nghệ làm khô lúa và hoa màu sau thu hoạch; bảo quản lương thực cho các vùng thường xuyên ngập lũ. Tiếp

thu và phổ cập các công nghệ bảo quản lạnh, công nghệ an toàn thực phẩm để bảo quản rau, hoa, quả tươi, các mặt hàng thủy sản, các sản phẩm chăn nuôi.

Về công nghệ chế biến: Áp dụng công nghệ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu chế biến nhiều chủng loại Nông – Lâm – Thủy sản, đa dạng hoá sản phẩm và các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

Hiện đại hóa hệ thống kiểm tra chất lượng nông sản, thực phẩm chế biến theo công nghệ tương hợp với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực nhằm đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng xuất khẩu và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong nước.

1.4 Quy hoạch phát triển KH&CN trong ngành nông lâm thủy sản

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong tất cả các khâu: giống, sản xuất, thu hoạch, sau thu hoạch; đặc biệt chú trọng vào cây lúa, cà phê, cao su, hồ tiêu, lạc, chăn nuôi đại gia súc, nuôi trồng thủy sản. Ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao, đưa vào đại trà để tạo ra vùng sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế.

Áp dụng công nghệ mới trong công tác thú y và bảo vệ thực vật; các tiến bộ kỹ thuật vào khai thác, tái tạo và bảo vệ các nguồn lợi thủy sản; phát triển và khai thác các công trình thủy lợi. Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng rừng và phát triển các loại rừng một cách bền vững; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến phát triển nông nghiệp và các biện pháp phòng chống; giải quyết thị trường đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp.

- Nghiên cứu các mô hình sản xuất kết hợp Nông – Lâm – Ngư theo quy mô trang trại phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng, chú trọng khai thác vùng gò đồi và vùng cát. Xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở một số địa bàn của tỉnh.

Nghiên cứu thử nghiệm các loại cây có tác dụng cản lửa khi xảy ra cháy rừng.

1.5 Quy hoạch phát triển KH&CN trong ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu KH&CN, các tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp thuộc thế mạnh và sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống của tỉnh, chú ý công nghệ phổ thông phục vụ nông nghiệp nông thôn, các công nghệ tiên tiến, hiện đại phục vụ sản xuất, chế biến nông - lâm - thủy hải sản, phục vụ phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường như công nghệ thông tin, điện tử, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học...

Ưu tiên ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất, xử lý môi trường ở Khu kinh tế, các khu công nghiệp của tỉnh; áp dụng công nghệ tiên tiến để sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu trong các lĩnh vực chế biến nông sản, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng.

1.6 Quy hoạch phát triển KH&CN trong ngành Xây dựng và Giao thông

VT

Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, kiến trúc, quy hoạch và xây dựng; kết hợp giữa kiến trúc hiện đại và kiến trúc truyền thống, giữ gìn bản sắc dân tộc; nghiên cứu các mô hình kiến trúc phù hợp cho các vùng miền trong tỉnh, chú trọng ứng dụng công nghệ sạch và tiết kiệm sử dụng năng lượng trong công trình.

Đổi mới công nghệ, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nâng cao chất lượng các sản phẩm vật liệu xây dựng thuộc thể mạnh ưu tiên của tỉnh.

Áp dụng và làm chủ công nghệ mới trong thi công như: móng sâu (cọc nhồi, tường barrette, tầng hầm...), bê tông cốt thép ứng lực trước, kết cấu thép không gian, công nghệ xây nhà cho các vùng bão lụt, vùng sâu, vùng xa.

1.7 Quy hoạch phát triển KH&CN trong ngành y tế

Ứng dụng tiến bộ KH&CN mới, hiện đại phù hợp với từng tuyến phục vụ cấp cứu, chuẩn đoán, điều trị và dự phòng.

Hỗ trợ chuyên gia công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại trong khám, chữa bệnh, từng bước hiện đại hóa kỹ thuật y học chuyên môn sâu trong lĩnh vực y tế dự phòng, khám chữa bệnh, kiểm nghiệm và giám định.

Đề xuất và triển khai các giải pháp bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn dược liệu quý của Quảng Trị.

1.8 Quy hoạch phát triển KH&CN trong ngành Giáo dục - Đào tạo

- Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở tất cả các cấp học, bậc học. Thực hiện đang dạng hóa các hình thức giáo dục đào tạo, hình thành mạng lưới giáo dục - đào tạo hợp lý, đặc biệt quan tâm đến đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới,...tạo điều kiện cho con em đồng bào dân tộc có cơ hội đi học. Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề chú trọng giáo dục đạo đức - truyền thống văn hóa dân tộc.

- Ứng dụng và tiếp thu công nghệ mới, công nghệ thông tin, dạy học từ xa,...vào công tác quản lý, giảng dạy và học tập các cơ sở giáo dục.

- Đầu tư các trang thiết bị hiện đại và công nghệ mới trong giáo dục cho các cơ sở giáo dục để nâng cao việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh.

1.9 Quy hoạch phát triển KH&CN trong ngành tài nguyên - môi trường

Điều tra, khảo sát đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường, cung cấp luận cứ khoa học cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến, phù hợp trong xử lý chất thải ở khu vực thành thị và nông thôn; các biện pháp bảo vệ môi trường tại các lưu vực các sông, các đập chứa nước trên địa bàn. Dự báo và tìm các giải pháp phòng ngừa, xử lý các sự cố từ môi trường tự nhiên (bão, lũ lụt, sạt lún...) ở các vùng đồng bằng ven biển, vùng đường Hồ Chí Minh đi qua tỉnh, vùng Casto Cam Lộ.

Nghiên cứu các giải pháp bảo vệ môi trường cho các khu dân cư, khu du lịch, lịch sử văn hóa; các biện pháp đối với với tình hình biến đổi khí hậu.

1.10 Quy hoạch phát triển KH&CN trong ngành văn hoá, thể thao và du lịch

Nghiên cứu bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá của các cộng đồng dân tộc, bảo tồn các di tích lịch sử và văn hóa trên địa bàn Quảng Trị; phương thức đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, cơ quan văn hóa và hoàn chỉnh các thiết chế văn hoá cơ sở. Áp dụng KH&CN hiện đại trong công tác huấn luyện thể dục, thể thao. Nghiên cứu đa dạng hoá các loại hình du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ; ứng dụng các thành tựu KH&CN nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, tạo sản phẩm du lịch mới.

1.11 Quy hoạch phát triển KH&CN trong ngành thương mại - dịch vụ

Nghiên cứu dự báo về xu thế phát triển của các thị trường có liên quan tới sản phẩm của tỉnh; các giải pháp tiêu thụ các sản phẩm của tỉnh. Nâng cao chất lượng thương mại dịch vụ, đa dạng hóa hình thức kinh doanh, tập trung vào Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, thành phố Đông Hà, Khu kinh tế Cửa khẩu La Lay. Phát triển thương mại điện tử nhằm tạo điều kiện cho việc thiết lập và củng cố mối quan hệ giữa các thành phần tham gia vào quá trình thương mại. Phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng đa dạng, đa tiện ích, cung cấp các dịch vụ ngân hàng, tài chính hiện đại, có hàm lượng công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập.

1.12 Quy hoạch phát triển KH&CN phục vụ quốc phòng, an ninh

Nghiên cứu các giải pháp KH&CN nhằm nâng cao chất lượng quản lý và đảm bảo trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Nghiên cứu các mô hình kết hợp giữa xây dựng và bảo vệ tổ quốc, phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong bối cảnh hội nhập.

2. Quy hoạch phát triển tiềm lực KH&CN trên địa bàn tỉnh

2.1 Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN do Tỉnh quản lý

Củng cố và nâng cấp các trung tâm, đơn vị sự nghiệp KH&CN hiện có; thành lập một số trung tâm, đơn vị sự nghiệp KH&CN thuộc Sở Khoa học và Công nghệ: Trung tâm Ứng dụng và phát triển năng lượng mới; Trung tâm phát triển công nghệ sinh học; Trung tâm kiểm tra chất lượng hàng hóa tại Khu Kinh tế-Thương mại đặc biệt Lao Bảo; Trung tâm Đào tạo và chuyển giao KH&CN vùng Bắc Trung Bộ của tỉnh, thu hút nguồn nhân lực KH&CN, chủ động liên kết và liên kết có hiệu quả với các cơ quan KH&CN bên ngoài.

Nghiên cứu xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phát triển mạng lưới các tổ chức tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Mở rộng mạng lưới phổ cập tri thức KH&CN đến mọi tầng lớp nhân dân. Phát triển các tổ chức quần chúng, hội nghề nghiệp tham gia hoạt động KH&CN. Phát triển nguồn nhân lực KH&CN; chú trọng thu hút nguồn nhân lực KH&CN bên ngoài vào tham gia hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh.

2.2 Quy hoạch phát triển, bố trí nguồn nhân lực KH&CN

- Xây dựng đội ngũ trí thức KH&CN Quảng Trị đủ mạnh về số lượng và chất lượng, đủ năng lực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành trong việc hoạch định quy hoạch, kế hoạch và các chính sách phát triển KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Có bản lĩnh chính trị vững vàng và đủ năng lực trong việc tổ chức, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.

- Đối với mỗi ngành kinh tế - xã hội chủ yếu của tỉnh xây dựng và phát triển được 3 - 5 chuyên gia đầu ngành có năng lực, uy tín tổ chức triển khai các nhiệm vụ KH&CN phục vụ sự phát triển của ngành. Tăng cường đồng bộ về số lượng, cơ cấu ngành nghề và chất lượng nguồn nhân lực, bao gồm đội ngũ cán bộ KH&CN có đủ

năng lực hoạt động nghiên cứu và phát triển, đội ngũ kỹ sư, chuyên gia công nghệ, kỹ thuật viên giỏi và đội ngũ công nhân bậc cao.

- Quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực phải đảm bảo có cơ cấu hợp lý giữa đào tạo cán bộ có trình độ đại học, trên đại học và chuyên gia đầu ngành; giữa đào tạo kỹ thuật viên và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao với việc phổ cập kiến thức kỹ thuật cho mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực sản xuất và đời sống nhằm khắc phục tình trạng hiện nay là nhiều cán bộ quản lý, ít và thiếu kỹ thuật, công nghệ, nhiều bằng cấp, thiếu đầu đàn.

- Tạo môi trường dân chủ, công khai, thuận lợi cho trí thức KH&CN lao động, sáng tạo, tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của tỉnh; Thực hiện tốt một số chính sách thu hút, hỗ trợ trí thức KH&CN được đào tạo, tự đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Tôn vinh và khen thưởng kịp thời các đơn vị, trí thức KH&CN có những đóng góp đáng kể cho sự nghiệp phát triển KH&CN, kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Kết hợp giữa phát triển nguồn nhân lực với bố trí lại lực lượng KH&CN của tỉnh theo hướng tập trung cao vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên và các đối tượng ưu tiên trong Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH của tỉnh đến năm 2020.

Phát triển nguồn nhân lực KH&CN hướng vào những thay đổi về số lượng, cơ cấu ngành nghề và chất lượng nguồn nhân lực.

Chú trọng thu hút nguồn nhân lực KH&CN bên ngoài vào tham gia hoạt động KH&CN trên địa bàn Quảng Trị.

Hình thành đội ngũ cán bộ quản lý KH&CN tinh thông nghiệp vụ, giỏi ngoại ngữ. Xây dựng được một số hạt nhân nòng cốt trong một số lĩnh vực/ngành sản xuất am hiểu công nghệ và thiết lập được mối quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH&CN.

3. Quy hoạch xây dựng và phát triển thị trường công nghệ

- Đẩy mạnh đổi mới cơ chế và chính sách kinh tế - xã hội nhằm tạo nhu cầu ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống

- Tạo lập môi trường pháp lý cho hoạt động của thị trường KH&CN. Khuyến khích các dịch vụ môi giới về thị trường công nghệ.

- Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại hoá của các sản phẩm KH&CN.

- Xây dựng hệ thống các giải pháp để hỗ trợ phát triển thị trường các sản phẩm chủ yếu của địa phương, ngăn chặn nhập khẩu các sản phẩm, công nghệ lạc hậu.

- Tăng cường bảo vệ quyền sở hữu tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và thương mại hóa sản phẩm.

- Khuyến khích thành lập tổ chức chuyên giao công nghệ.

- Xây dựng trang thông tin điện tử về sản giao dịch công nghệ và thiết bị nhằm hỗ trợ cho việc mua bán công nghệ, thiết bị thương xuyên của doanh nghiệp.

4. Hợp tác khoa học và công nghệ

- Tăng cường mở rộng liên kết, quan hệ hợp tác KH&CN gắn với hợp tác về kinh tế với bên ngoài nhằm tranh thủ thu hút các nguồn lực trong nước và quốc tế để

phát triển KH&CN, nguồn lực KH&CN, tiếp thu công nghệ mới, công nghệ cao và các thành tựu KH&CN tiên tiến, hiện đại, những kinh nghiệm hữu ích nhằm từng bước nâng cao năng lực KH&CN, cụ thể:

+ Xây dựng các chương trình hợp tác KH&CN với các tỉnh, thành phố nhằm phối hợp giải quyết các vấn đề chung và phát huy lợi thế của mỗi bên.

+ Hợp tác tổ chức chợ, chợ ảo và sàn giao dịch thiết bị và công nghệ.

+ Hợp tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực: công nghệ thông tin; công nghệ sinh học; công nghệ sản xuất vật liệu, công nghệ chế biến nông sản- lâm - thủy hải sản và các lĩnh vực thuộc lợi thế và tiềm năng của tỉnh.

+ Hợp tác triển khai thí điểm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

+ Hợp tác với các tỉnh Salavan, Savannakhet của CHDCND Lào; các tỉnh của Thái Lan trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và biên giới quốc gia...

- Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích cán bộ KH&CN tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước, tham gia nghiên cứu khoa học và giảng dạy ở nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế. Triển khai các chương trình hợp tác nghiên cứu, chia sẻ thông tin KH&CN.

- Có cơ chế cho phép các cơ sở sản xuất - kinh doanh, tổ chức khoa học và công nghệ, trường học hợp đồng, tuyển dụng hoặc hợp tác nghiên cứu với các chuyên gia giỏi trong và ngoài nước, trên nguyên tắc tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

- Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi về đầu tư, đất đai, cơ sở hạ tầng, thủ tục hành chính... để tạo đột phá trong thu hút các chuyên gia, nhà khoa học và công nghệ trong và ngoài nước tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

III. NHU CẦU NHÂN LỰC KH&CN

Phấn đấu số nhân lực KH&CN (có trình độ từ đại học trở lên) đến năm 2015 chiếm 5,2% so với tổng lao động và đến năm 2020 chiếm 7,5% so với tổng lao động của tỉnh.

IV. NHU CẦU VỀ VỐN CHO PHÁT TRIỂN KH&CN

Để thực hiện các mục tiêu và định hướng phát triển đề ra trong quy hoạch phát triển KH&CN của tỉnh, tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển trong cả giai đoạn 2011 - 2020 cần khoảng 490 - 495 tỉ đồng, bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2011 - 2020 cần 49 - 49,5 tỉ đồng; trong đó giai đoạn 2011 - 2015 cần khoảng 229 - 230 tỉ đồng, chiếm khoảng 0,01% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và giai đoạn 2016 - 2020 cần khoảng 265 - 266 tỉ đồng, chiếm khoảng 0,02% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Cụ thể như sau:

- Giai đoạn 2011 - 2015: 229 tỷ đồng

- Giai đoạn 2016 - 2020: 266 tỷ đồng

Huy động từ các nguồn vốn:

- Vốn ngân sách Trung ương: 98 tỷ đồng, chiếm 19,8%, bao gồm:

+ Đầu tư cho các đề tài, dự án KH&CN cấp nhà nước triển khai trên địa bàn tỉnh: chương trình nông thôn-miền núi, chương trình hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, đề tài độc lập cấp nhà nước, nhiệm vụ KH&CN địa phương cấp bách, mới phát sinh.... (06 tỷ đồng/năm): 60 tỷ đồng.

+ Dự án xây dựng Trung tâm Đào tạo và chuyển giao KH&CN vùng Bắc Trung bộ (dự án do Bộ KH&CN đầu tư): 38 tỷ đồng

- Vốn ngân sách do tỉnh quản lý: 260 tỷ đồng, chiếm 52,8%, bao gồm:

+ Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư cho các dự án xây dựng và phát triển các đơn vị KH&CN (10 tỷ đồng/năm): 100 tỷ đồng.

+ Kinh phí sự nghiệp KH&CN do ngân sách tỉnh cấp hàng năm Kinh phí sự nghiệp KH&CN do ngân sách tỉnh cấp hàng năm (15 tỷ đồng/năm, trong đó 09 tỷ đồng/năm chỉ cho đề tài, dự án): 90 tỷ đồng.

+ Kinh phí sự nghiệp do ngân sách tỉnh cấp cho các Sở, Ngành để thực hiện các chương trình, dự án KH&CN do Sở, Ngành chủ trì: 70 tỷ đồng

- Vốn huy động từ Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh: 20 tỷ đồng, chiếm 4,2%.

- Nguồn vốn của các doanh nghiệp, tổ chức KH&CN (đầu tư cho chương trình, dự án của đơn vị mình): 77 tỷ đồng, chiếm 14,8%

- Vốn huy động bên ngoài các nguồn vốn hợp pháp khác (hợp tác trong nước, hợp tác quốc tế về KH&CN; lồng ghép với các chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh; đóng góp của người dân hưởng lợi từ các chương trình, dự án; tài trợ): 40 tỷ đồng, chiếm 8,4%.

V. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Có phụ lục kèm theo)

VI. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ

1.1 Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ

Đổi mới công tác lập kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành. Đây mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm khoa học và công nghệ cuối cùng theo kết quả đầu ra. Xây dựng cơ chế đặc thù trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Thực hiện dân chủ và công khai rộng rãi trong việc đề xuất nhiệm vụ KH&CN, tuyển chọn đơn vị, cá nhân nhà khoa học làm chủ trì và chủ nhiệm các đề tài, dự án KH&CN nhằm thu hút được các nguồn lực, trí tuệ của các đơn vị, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN của tỉnh. Hình thành cơ chế

đánh giá độc lập, tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với các hoạt động khoa học và công nghệ.

Ban hành cơ chế, chính sách thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại; hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, mua thiết kế, thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực ưu tiên, doanh nghiệp mua công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước. Nhà nước chủ động mua kết quả khoa học và công nghệ trong trường hợp có nhu cầu. Chấm dứt và ngăn chặn có hiệu quả việc nhập công nghệ lạc hậu, công nghệ gây nguy hại đến sức khỏe con người, tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Huy động mạnh mẽ nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Phân đầu đưa mức đầu tư của toàn xã hội cho KH&CN đạt 1,0% GDP vào năm 2015, 1,5% GDP vào năm 2020, 2,5 % GDP vào năm 2030. Tăng đầu tư của Nhà nước cho khoa học và công nghệ bảo đảm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm của tỉnh. Có cơ chế sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ.

Nghiên cứu ban hành quy định về việc doanh nghiệp lập và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Đầu tư kinh phí để hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới và phát triển công nghệ, hỗ trợ nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Ưu tiên sử dụng Quỹ phát triển KH&CN, cơ chế khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp về KH&CN của nhà nước, của tỉnh để nhân rộng các tiến bộ KH&CN. Đẩy mạnh phong trào thi đua ứng dụng khoa học và công nghệ. Tuyên truyền, phổ biến những tiến bộ khoa học và công nghệ, các kết quả đề tài ứng dụng KH&CN được khẳng định đến tận cơ sở và người sản xuất.

1.2 Đổi mới quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ chế, chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ

Quy hoạch phát triển nhân lực khoa học và công nghệ phải gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ.

Đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng nhân lực KH&CN; tăng cường đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ cả về số lượng và trình độ chuyên môn. Các ngành, các cấp xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ KH&CN hiện có và xem đây là giải pháp quan trọng để phát triển nguồn nhân lực về KH&CN của tỉnh. Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia giỏi, có nhiều đóng góp. Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa học và công nghệ phát triển bằng tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo của mình. Nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất của cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở các cấp, các ngành, các địa phương.

Coi trọng công tác quy hoạch đào tạo cán bộ KH&CN. Có kế hoạch, lộ trình cụ thể cho công tác đào tạo. Điều chỉnh cơ cấu đào tạo theo hướng tăng đào tạo công nhân kỹ thuật có trình độ cao, trung cấp kỹ thuật và cao đẳng kỹ thuật, chú trọng các

ngành có khả năng thu hút đầu tư nước ngoài, thuộc diện ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội và các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh. Quan tâm đào tạo kỹ thuật, tay nghề cho lao động trong nông nghiệp, nông thôn, đào tạo nông dân trở thành chuyên gia, đào tạo lực lượng lao động trẻ làm nòng cốt trong ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, đặc biệt là ở các vùng miền núi, ven biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đa dạng hóa các hình thức đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH&CN. Coi trọng các hình thức liên kết đào tạo giữa các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, các trường đại học và cao đẳng với các doanh nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề...

Tích cực phối hợp và cộng tác chặt chẽ với các nhà khoa học, các viện nghiên cứu, các trường đại học trong và ngoài nước trong việc giải quyết những vấn đề thực tế sản xuất ở tỉnh và trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

Tích cực, chủ động phối hợp với các chương trình đào tạo của quốc gia để phát triển nguồn nhân lực KH&CN của tỉnh.

Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học và công nghệ. Có chính sách tiếp tục sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao đã hết tuổi lao động có tâm huyết và còn sức khỏe làm việc vào công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

2. Xã hội hóa hoạt động KH&CN nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng KH&CN

Nghiên cứu xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Đề án "Xã hội hóa hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KH&CN ở Quảng Trị" theo hướng:

- Đề nghị tăng mức đầu tư của Trung ương cho Quảng Trị về kinh phí SNKH hàng năm lên mức trên 15%.

- Trích tối thiểu 0,2 - 0,5% phân thu ngân sách địa phương hàng năm cho Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh để thực hiện cơ chế, chính sách phát triển KH&CN trên địa bàn nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động đổi mới công nghệ, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, ứng dụng các tiến bộ KH&CN vào sản xuất, quản lý, kinh doanh,...

- Đối với các huyện, thị xã có thu ngân sách khá được trích kinh phí hàng năm từ nguồn thu ngân sách địa phương để đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trên địa bàn. Đối với các địa phương này tỉnh hỗ trợ thêm 50% kinh phí theo cơ chế 50/50.

- Lồng ghép các chương trình, dự án KH&CN với các chương trình phát triển kinh tế của tỉnh. Trích một phần vốn từ kinh phí sự nghiệp của các sở, ngành và các chương trình phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng, an ninh cho hoạt động KH&CN phù hợp với từng lĩnh vực, từng ngành nghề.

- Nghiên cứu ban hành cơ chế khuyến khích, hướng dẫn doanh nghiệp lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp, trích 10% lợi nhuận trước thuế (theo

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 và Luật Chuyển giao công nghệ) để thành lập quỹ phát triển KH&CN và quỹ đầu tư mạo hiểm của doanh nghiệp theo Quyết định số 36/2007/QĐ-BTC ngày 16/5/2007 của Bộ Tài chính nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất của doanh nghiệp.

- Khuyến khích mở rộng các dự án KH&CN có sự tham gia đóng góp của đơn vị, người dân hưởng lợi ở mức trên 70%, ngân sách Nhà nước hỗ trợ ở mức kích cầu-dưới 30% kinh phí thực hiện dự án.

- Hợp tác khoa học, kêu gọi đầu tư các dự án khoa học và công nghệ của các Bộ, ngành trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện, khuyến khích các Viện, trường trong nước và đóng trên địa bàn tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ KH&CN, đặc biệt trong việc đào tạo nguồn nhân lực KH&CN cho tỉnh.

3. Ứng dụng, nhân rộng và phát triển trên diện rộng các kết quả KH&CN

Ứng dụng, nhân rộng và phát triển trên diện rộng các kết quả KH&CN là nhiệm vụ quan trọng của hoạt động KH&CN của tỉnh trong thời gian tới.

Đầu tư kinh phí thích đáng cho phát triển khoa học và công nghệ, hỗ trợ khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới và phát triển công nghệ, hỗ trợ nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Hàng năm dành một phần kinh phí thoả đáng để nhân rộng các kết quả đề tài ứng dụng KH&CN được khẳng định.

Từ kết quả các đề tài được đánh giá, nghiệm thu, khuyến khích các tổ chức và cá nhân xây dựng thành các dự án có quy mô phù hợp, có địa chỉ ứng dụng cụ thể, hiệu quả kinh tế cao. Nhà nước sẽ hỗ trợ một phần kinh phí để chuyển giao và hoàn thiện công nghệ. Tùy theo tính chất, quy mô và giá trị thực tiễn của dự án, nhà nước sẽ hỗ trợ từ 10-30% kinh phí thực hiện.

Ưu tiên sử dụng Quỹ phát triển KH&CN, cơ chế khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp về KH&CN của nhà nước, của tỉnh để nhân rộng các tiến bộ KH&CN.

Hàng năm và 5 năm, các Sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở KH&CN, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đưa vào kế hoạch kinh tế-xã hội kế hoạch ứng dụng và nhân rộng các tiến bộ KH&CN, chú trọng các tiến bộ kỹ thuật có giá trị thực tiễn cao và xem đây là một trong những chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch kinh tế-xã hội của tỉnh, ngành và địa phương.

Đẩy mạnh phong trào thi đua ứng dụng khoa học và công nghệ. Tuyên truyền, phổ biến những tiến bộ khoa học và công nghệ, các kết quả đề tài ứng dụng KH&CN được khẳng định đến tận cơ sở và người sản xuất.

4. Mở rộng quan hệ liên kết, hợp tác KH&CN với bên ngoài

Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác KH&CN với bên ngoài nhằm tranh thủ thu hút các nguồn lực trong nước và quốc tế để phát triển KH&CN Quảng Trị, học hỏi những kinh nghiệm có ích và từng bước mở rộng sự tham gia của KH&CN Quảng Trị vào giải quyết các vấn đề chung. Thực hiện các biện pháp cụ thể như:

- Tham gia tích cực vào các nhiệm vụ KH&CN của quốc gia, tạo điều kiện thu hút các hoạt động KH&CN của các cơ quan trung ương về địa bàn Quảng Trị.

- Tăng cường liên kết với các địa phương khác trong hoạt động KH&CN thông qua chương trình liên kết về nghiên cứu, phối hợp tổ chức chợ thiết bị công nghệ, ...

- Đề xuất sáng kiến hình thành các chương trình liên kết KH&CN theo hành lang kinh tế Đông - Tây. Chủ động và tích cực tham gia vào xây dựng thể chế liên kết KH&CN trong Vùng.

- Bên cạnh mở rộng các quan hệ KH&CN cấp tỉnh (như ký kết giữa Sở KH&CN Quảng Trị với các Sở KH&CN của các tỉnh khác), khuyến khích các ngành, địa phương trong tỉnh chủ động mở rộng các mối quan hệ với bên ngoài bằng nhiều hình thức khác nhau ...

- Sở Khoa học và Công nghệ làm đầu mối duy trì và đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các tổ chức KH&CN bên ngoài; xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá tình hình thực hiện hàng năm.

Mở rộng hợp tác với bên ngoài của KH&CN hướng vào phục vụ và khai thác các quan hệ kinh tế đối ngoại. Chú trọng các quan hệ hợp tác KH&CN với Lào và Thái Lan.

5. Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN ở địa phương và tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức quản lý nhà nước về KH&CN phù hợp với đặc thù của tỉnh. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn.

Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước về KH&CN nhằm nâng cao tính chủ động cho các Sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng tinh gọn, tập trung vào việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

6. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh hoạt động truyền thông và tuyên truyền sâu rộng trong xã hội, đặc biệt là trong các doanh nghiệp về chủ trương, chính sách, pháp luật về khoa học và công nghệ, về vai trò động lực then chốt của khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước nhằm nâng cao tinh thần tự lực, tự cường, sự đồng thuận và ủng hộ mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị đối với hoạt động khoa học và công nghệ; tạo không khí thi đua lao động sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; nâng cao tinh thần trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để tổ chức triển khai quy hoạch, UBND tỉnh giao trách nhiệm như sau:

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Tổ chức công bố nội dung Quy hoạch để các tổ chức và toàn thể nhân dân biết, căn cứ triển khai thực hiện theo quan điểm, mục tiêu của Quy hoạch.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quy hoạch trong các kế hoạch hàng năm, 5 năm của ngành. Theo dõi và báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch, kịp thời đề xuất UBND tỉnh các giải pháp về điều hành thực hiện, bảo đảm yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ trong mối quan hệ tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chức năng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và các chính sách, giải pháp phát triển chuyên ngành.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động thực hiện các công việc liên quan đến Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm của đơn vị mình; đồng thời phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để xử lý các vấn đề liên quan theo đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

- Trên cơ sở các định hướng, mục tiêu phát triển công nghiệp trong Quy hoạch này tiến hành cụ thể hoá và điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch xây dựng trên địa bàn.

- Đưa các nội dung triển khai Quy hoạch này vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm của từng địa phương.

Điều 2. Giao Sở KH&CN phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc thực hiện Quy hoạch này và định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cho UBND tỉnh biết, chỉ đạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PVT;
- Lưu VT, CN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Cường
Nguyễn Đức Cường

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, CHÍNH SÁCH
CỦA TỈNH NGHIÊN CỨU, ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 2442 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh)



TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến vốn thực hiện (tỷ đồng)			Ghi chú
					Tổng số	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	
I	Các chương trình KH&CN							
1.1	Chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch - Đầu tư; Sở Lao động - TBXH; Sở Giáo dục và Đào tạo; Cục thống kê; các Ban của Đảng.	2011-2020	10	04	06	
1.2	Chương trình điều tra cơ bản nhằm cung cấp các luận cứ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở KH&CN; Cục thống kê; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban Quản lý Khu kinh tế.	2011-2020	22	10	12	
1.3	Chương trình phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Y tế; Sở Công Thương; UBND các thành phố, huyện, thị xã, thành phố	2011-2020	40	20	20	
1.4	Chương trình KH&CN phục vụ phát triển Nông-Lâm-Ngư nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở KH&CN; Sở Công Thương; UBND thành phố, huyện, thị xã, thành phố	2011-2020	23	10	13	
1.5	Chương trình KH&CN phục vụ phát triển các ngành công nghiệp và thương mại	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin - Truyền thông; UBND thành phố, huyện, thị xã, thành phố	2011-2020	22	10	12	

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến vốn thực hiện (tỷ đồng)			Ghi chú
					Tổng số	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	
1.6	Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng của các doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở TT&TT, Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thành phố, thị xã, hiệp hội ngành nghề.	2011-2020	16	07	09	
1.7	Chương trình phát triển quan hệ hợp tác về KH&CN với các địa phương trong nước và quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ của các Tỉnh Savanakheth và Salavan -Lào; các tỉnh vùng Đông bắc Thái Lan; các Sở của Quảng Trị; UBND thành phố, huyện, thị	2011-2020	17	07	10	
1.8	Chương trình nghiên cứu và nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và những tác động đến phát triển kinh tế, xã hội của Quảng Trị	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở KH&CN; Sở KH&ĐT; Sở VH.TT&DL; Sở NN&PTNT; Sở GTVT; Sở Công Thương; UBND các thành phố, thị xã, huyện; các cơ quan nghiên cứu có liên quan trong nước	2011-2020	13	07	06	
2	Các dự án tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ							
4	Giai đoạn 2010-2015							
2.1	Dự án phát triển nhân lực KH&CN	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo	2011-2015	10	10		
2.2	Dự án tăng cường năng lực thông tin KH&CN của Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và Truyền thông	2011-2015	10	10		

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến vốn thực hiện (tỷ đồng)			Ghi chú
					Tổng số	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	
2.3	Dự án xây dựng Trung tâm phát triển công nghệ sinh học	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở TN&MT	2011-2015	37	37		UBND tỉnh đã phê duyệt, nhưng chưa bố trí vốn để khởi công
2.4	Dự án xây dựng Trung tâm kiểm tra chất lượng hàng hóa tại Khu Kinh tế- Thương mại đặc biệt Lao Bảo	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu KT-TM Lao Bảo, Cục Hải Quan Quảng Trị; các đơn vị chức năng của Bộ KH&CN	2009-2015	47	47		UBND tỉnh đã phê duyệt, hoàn thành giai đoạn 1
2.5	Dự án xây dựng Trung tâm Đào tạo và chuyên gia KH&CN Vùng Bắc Trung bộ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ; Các đơn vị chức năng của Bộ KH&CN; Sở KH&ĐT	2011-2015	38	38		
b. Giai đoạn 2016-2020								
2.6	Dự án xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở KH&CN; Sở Kế hoạch và DT; Sở Tài nguyên và MT; UBND phố, huyện, thị có khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đóng trên địa bàn	2016-2020	150		150	
2.7	Dự án xây dựng Trung tâm Ứng dụng và phát triển năng lượng mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương, Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi Trường; Điện lực Quảng Trị	2016-2020	25		25	

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến vốn thực hiện (tỷ đồng)			Ghi chú
					Tổng số	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	
3	Các chính sách							
4	Chính sách về quản lý nhà nước KH&CN							
3.1	Quy chế phối hợp liên ngành về hoạt động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trên địa bàn	Sở Khoa học và Công nghệ	Liên đoàn Lao động tỉnh và Hội Doanh nghiệp	2011-2015				
3.2	Quy định về quản lý hoạt động công nghệ và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì	Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2011-2015				
3.3	Quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn và biên chế quản lý KH&CN của các phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng cấp huyện.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2011-2015				
3.4	Quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và biên chế quản lý KH&CN của các sở, ngành thuộc tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	2011-2015				
3.5	Quy chế một cửa kiểm tra hàng hóa xuất - nhập khẩu tại Khu Thương mại Lao Bảo Quảng Trị	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương	2011-2015				

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến vốn thực hiện (tỷ đồng)			Ghi chú
					Tổng số	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	
B	Chính sách về khuyến khích hoạt động KH&CN							
3.6	Chính sách hỗ trợ các ngành, địa phương, các đơn vị phát triển các quan hệ KH&CN với bên ngoài	Sở Khoa học và Công nghệ	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ	2011-2015				
3.7	Quy chế về giải thưởng KH&CN tỉnh Quảng Trị cho những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển KH&CN của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị, Sở Nội vụ xây dựng	2011-2015				
3.8	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ hoạt động chuyên gia công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	2011-2015				
3.9	Chính sách hỗ trợ DN đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, tham gia có hiệu quả vào quá trình hội nhập	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội doanh nghiệp tỉnh	2011-2015				